

Bản án số: **49/2022/DS-ST**
Ngày: 10/8/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Tấn Đầu**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Kiều Duyên** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:* Bà **Phạm Thị Thúy Kiều**- Chức vụ: *Kiểm sát viên*

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37A/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Trụ sở chính: số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Anh T**, chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện Châu Thành.

Địa chỉ:, khu phố ML, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG.

(Ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Phan Thị M, sinh năm 1970

Nơi cư trú: ấp HT1, xã MT A, huyện CT, tỉnh KG

(Bà M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:

Ngày 22/6/1999 bà Phan Thị M có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (PGD NHCSXH) huyện Châu Thành theo khế ước 6000005800038812, cụ thể như sau:

- + Chương trình cho vay: Hộ nghèo, thời hạn vay 12 tháng;
- + Số tiền vay 1.500.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu năm trăm ngàn đồng).
- + Lãi suất tiền vay là 0.8%/tháng. Ngày vay 22/6/1999; ngày đến hạn 22/6/2000; Phương thức vay thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn;

Thỏa thuận giữa PGD NHCSXH huyện Châu Thành với hộ vay, Bà Phan Thị M trả lãi hàng tháng thông qua tổ tiết kiệm vay vốn tại địa phương.

Nhận thấy ý thức chấp hành của hộ vay kém nên NHCSXH phối hợp cùng hội đoàn thể nhận ủy thác và tổ đơn đốc thu hồi nợ xã MT A tiếp tục đến nhà bà Phan Thị M làm việc, bà Phan Thị M cam kết với NHCSXH và hội Phụ nữ và tổ đơn đốc thu hồi nợ đến ngày 25/2/2022 sẽ trả 3.554.000 đồng trong đó số tiền gốc: 1.500.000 đồng, lãi: 2.054.000 đồng và số lãi phát sinh đến ngày trả. Đến ngày 25/2/2022 bà Phan Thị M đã không thực hiện theo cam kết đã cam kết.

Nay PGD NHCSXH huyện Châu Thành đề nghị Toà án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết yêu cầu buộc bà Phan Thị M phải trả số tiền tính tới thời điểm ngày 10/8/2022, là 3.705.957 đồng, trong đó tiền gốc: 1.500.000 đồng và lãi 2.205.957 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính kể từ ngày 11/8/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại phiên toà hôm nay ông Nguyễn Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt ông có yêu cầu: Buộc bà Phan Thị M phải trả số tiền tính tới thời điểm ngày 10/8/2022, là 3.705.957 đồng, trong đó tiền gốc: 1.500.000 đồng và lãi 2.205.957 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính kể từ ngày 11/8/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn bà Phan Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị M đã có ý kiến:* Bà thừa nhận trước đây có vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền vay 1.500.000 đồng và tiền lãi

đến nay tổng số 3.658.722 đồng (tính đến ngày khởi kiện) nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm nghị án tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam về việc buộc buộc bà Phan Thị M phải có trách nhiệm thanh toán nợ gốc, lãi tồn đọng và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam-phòng giao dịch huyện Châu Thành thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về sự có mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch huyện Châu Thành là ông Nguyễn Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Phan Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Anh T và bà Phan Thị M.

[3] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam-phòng giao dịch huyện Châu Thành yêu cầu buộc bà Phan Thị M phải trả cho ngân hàng số tiền là 3.705.957 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính kể từ ngày 11/8/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản*”.

[4] - Về nội dung vụ án: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam-phòng giao dịch huyện Châu Thành yêu cầu buộc buộc bà Phan Thị M phải trả cho ngân hàng số tiền là 3.705.957 đồng, trong đó tiền gốc: 1.500.000 đồng và lãi 2.205.957 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính kể từ ngày 11/8/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng; Bà Phan

Thị M thừa nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền vay như trên và tiền lãi theo hợp đồng vay nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng.

[4.1] - Hội đồng xét xử xét thấy: Thành theo khế ước 6000005800038812 ngày 22/6/1999 được ký kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam -phòng giao dịch huyện Châu Thành với bà Phan Thị M là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp theo quy định tại Điều 467 Bộ luật dân sự năm 1995 về hợp đồng vay tài sản. Quá trình thực hiện hợp đồng thì Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch huyện Châu Thành đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giải ngân số tiền vay và bà Phan Thị M và bà Phan Thị M đã nhận được tài sản nhưng kể từ ngày 22/06/2000 cho đến nay thì phía bà Phan Thị M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng. Như vậy, bà Phan Thị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; Bà Phan Thị M đã nhận đầy đủ số tiền vay thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 1995. Nhưng bà Phan Thị M có ý kiến: do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận bởi vì như thế sẽ kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng.

[4.2] - Hợp đồng vay giữa các bên ký kết có quy định về lãi suất theo quy định tại Điều 473 Bộ luật dân sự năm 1995 và theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và bà Phan Thị M về mức lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 10/8/2022 thì bà Phan Thị M còn nợ Ngân hàng số tiền là: 3.705.957 đồng và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/8/2022 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng. Do việc bà Phan Thị M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã làm thiệt hại đến quyền lợi của Ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó bà Phan Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi là: 3.705.957 đồng là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch huyện Châu Thành đối với bị đơn bà Phan Thị M. Buộc bị đơn bà Phan Thị M phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch huyện Châu Thành số tiền là 3.705.957 đồng và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/8/2022 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

[6] - Xét quan điểm của đại viện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận nên ghi nhận để xem xét.

[7] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn bà Phan Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 467; Điều 471 và Điều 473 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch huyện Châu Thành về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn bà Phan Thị M.

2. Buộc bị đơn bà Phan Thị M phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch huyện Châu Thành số tiền 3.705.957 đồng và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/8/2022 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì

còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn bà Phan Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Tấn Đầu